

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1702* /DBV

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV**

- Mã chứng khoán: AIC

- Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024.6276.5555

Fax: 024.6276.5556

2. Nội dung thông tin công bố: Ngày 24/11/2025, HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV thông qua Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/11/2025 tại đường dẫn <https://dbvi.com.vn/nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *✓*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BĐT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Trung

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ giấy phép số 49/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) và giấy phép số 49/GPĐC43/KDBH ngày 06/5/2025 về thay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Quy chế hoạt động hiện hành của HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Tờ trình số 1538/2025/TTr-HĐQT ngày 31/10/2025;
- Tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV”.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 24/11/2025.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Ban/Chi nhánh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TVHĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BẢO HIỂM
DBV
Lê Tuấn Dũng

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
(Đính kèm Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 của Hội đồng quản trị)

ĐIỀU 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy chế công bố thông tin này áp dụng cho tất cả Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, cổ đông lớn, chi nhánh, các đơn vị trực thuộc Công ty, các Phòng/Ban tại trụ sở chính và toàn bộ nhân viên của Công ty.

ĐIỀU 2. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

ĐIỀU 3. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. “**DBV**” hoặc “**Công ty**” là Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
2. “**Quy chế**” là Quy chế công bố thông tin;
3. “**Người nội bộ của Công ty**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
4. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
5. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. **“Ngày công bố thông tin”** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quy chế này;
7. **“Người cung cấp thông tin”** là Giám đốc/Phó giám đốc phụ trách các Ban và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.
8. **“Bộ phận thực hiện công bố thông tin”** là Ban Đầu tư hoặc Ban/cá nhân khác thực hiện trách nhiệm công bố thông tin theo phân công của cấp có thẩm quyền trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Việc công bố thông tin (“CBTT”) phải đầy đủ, kịp thời và chính xác theo quy định pháp luật. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
2. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện (“Người CBTT”). Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và Sở giao dịch chứng khoán (“SGDCK”) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin và các tài liệu khác (nếu có);
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

ĐIỀU 5. YÊU CẦU CỦA VIỆC CBTT

1. Việc CBTT phải được thực hiện theo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, đúng biểu mẫu quy định bởi cơ quan có thẩm quyền và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu tại từng thời điểm;
2. Việc CBTT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

ĐIỀU 6. CÁC TRƯỜNG HỢP THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Các trường hợp Công ty công bố thông tin bao gồm:
 - a) Công bố thông tin định kỳ
 - b) Công bố thông tin bất thường
 - c) Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Nội dung chi tiết đối với các trường hợp thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp cần thiết, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Phó chủ tịch HĐQT có thể tự mình hoặc giao nhân sự cấp dưới phụ trách ban hành các văn bản hướng dẫn nội bộ về CBTT cho phù hợp với quy định của pháp luật theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Bộ phận thực hiện CBTT khi phát sinh vấn đề cần CBTT.
2. Chịu trách nhiệm trước Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, trước Công ty về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Bộ phận thực hiện CBTT.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ PHẬN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Thực hiện CBTT đúng, đủ theo quy định của pháp luật và quy chế này.
2. Chủ động phối hợp với các Ban có liên quan để thực hiện CBTT theo quy định.
3. Các trách nhiệm khác theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

ĐIỀU 9. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC THỰC HIỆN CBTT

1. Các phương tiện CBTT
Việc thực hiện CBTT được thực hiện qua một, một số hoặc toàn bộ các phương tiện sau:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;

- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”);
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Hình thức CBTT

- a) Các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT được thực hiện bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK tại từng thời điểm, theo đó:
 - Văn bản giấy là bản in ra giấy, có chữ ký của Người CBTT và được đóng dấu của Công ty;
 - Văn bản điện tử là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Các văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số để ký trước khi đính kèm vào thư điện tử (email) và có giá trị thay thế cho văn bản giấy.
- b) Việc CBTT còn thực hiện qua phần mềm CBTT theo quy định của UBCKNN/SGDCK tại từng thời kỳ. Các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT thông qua phần mềm CBTT phải đảm bảo nguyên tắc:
 - Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký gồm tên truy cập và mật khẩu để CBTT đến UBCKNN/SGDCK;
 - Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN/SGDCK.

3. CBTT thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty:

- a) Địa chỉ trang thông tin điện tử chính thức để CBTT: <https://dbvi.com.vn/>
- b) Công ty có nghĩa vụ báo cáo cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 03 ngày làm việc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan tới địa chỉ này;
- c) Website của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai theo quy định của pháp luật;
- d) Website của Công ty phải có riêng chuyên mục về Nhà đầu tư, trong đó tối thiểu phải có các thông tin sau:
 - Điều lệ Công ty;
 - Quy chế công bố thông tin;
 - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Bản cáo bạch (nếu có);
 - Các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- e) Website của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin. Các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu có thể được sắp xếp theo thứ tự thời gian, nhưng phải lưu trữ tập trung tại chuyên mục Nhà đầu tư để tiện tra cứu khi cần thiết.

- f) Các CBTT định kỳ, bất thường và theo yêu cầu phải được gửi cho Ban Đầu tư hoặc bộ phận khác tùy theo sự phân công của Công ty trong từng thời kỳ.
4. CBTT bằng tiếng Anh
- Việc CBTT bằng tiếng Anh được thực hiện theo quy định của pháp luật tại từng thời kỳ. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

ĐIỀU 10. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

1. Trả lời phỏng vấn
- a) Việc cung cấp thông tin cho các phương tiện truyền thông đại chúng, trả lời phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc người được người đại diện theo pháp luật giao nhiệm vụ trả lời phỏng vấn thực hiện. Trường hợp các thông tin này có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty thì phải tiến hành CBTT đồng thời với việc cung cấp thông tin cho các phương tiện truyền thông đại chúng hoặc ngay sau khi người có thẩm quyền đã trả lời phỏng vấn cho báo chí.
- b) Trường hợp nhân viên Công ty được mời đích danh để trả lời phỏng vấn về những nội dung liên quan tới hoạt động của Công ty thì phải báo cáo Phó chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi phỏng vấn (hoặc báo cáo ngay sau phỏng vấn nếu không thể báo cáo trước đó) và khi trả lời phỏng vấn phải nêu rõ các ý kiến trả lời là ý kiến cá nhân.
2. Đính chính thông tin sai lệch về Công ty trên phương tiện truyền thông
- a) Khi phát hiện phương tiện truyền thông đưa tin sai lệch về Công ty, mọi nhân viên có trách nhiệm thông báo ngay cho: người đại diện theo pháp luật, người phụ trách Ban Marketing để kịp thời xử lý;
- b) Người phụ trách Ban Marketing có trách nhiệm phối hợp cùng các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan kiểm tra tính xác thực của các thông tin và đề xuất người đại diện theo pháp luật phương án xử lý trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện thông tin sai lệch.
- c) Công ty chủ động CBTT đính chính đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân đưa tin sai lệch đính chính thông tin và sửa nội dung sai lệch.
- d) Quy trình CBTT đính chính áp dụng tương tự việc công bố các thông tin bất thường: công bố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện thông tin sai lệch.

ĐIỀU 11. TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn về CBTT vì những lý do bất khả kháng, bộ phận được giao phụ trách CBTT phải soạn thảo công văn đề nghị tạm hoãn CBTT trình Người CBTT ký, gửi UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT và thực hiện CBTT ngay sau sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

ĐIỀU 12. BẢO QUẢN, LƯU GIỮ THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được đăng tải, lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được đăng tải, lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Trong quá trình thực hiện, nếu nhận thấy có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện, Công ty thực hiện trình Hội đồng quản trị xem xét.
2. Trường hợp có những quy định của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đến CBTT chưa được đề cập trong quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc CBTT của Công ty.

